

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-35
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-35

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/05/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Phạm Minh Sơn	Ủy viên
Ông Nhữ Đình Hòa	Ủy viên
Bà Phan Thu Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Tuấn Khải	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thu Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Hà	Trưởng ban	
Ông Lê Công Thuận	Thành viên	
Bà Trịnh Thanh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/03/2012

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Hoàng Tuấn Khải

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2013

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 15 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0725/KTV

Nguyễn Đình Thăng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1624/KTV

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		675.305.754.337	738.404.998.291
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	102.568.408.772	34.293.091.304
111	1. Tiền		101.428.089.363	33.225.847.467
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.140.319.409	1.067.243.837
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.867.636.743	171.074.992.141
121	1. Đầu tư ngắn hạn		14.575.551.664	186.946.206.924
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(5.707.914.921)	(15.871.214.783)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		478.837.152.148	474.136.285.995
131	1. Phải thu của khách hàng		228.219.446.778	146.678.400.828
132	2. Trả trước cho người bán		256.416.581.068	325.166.607.742
135	5. Các khoản phải thu khác	5	17.716.713.897	17.227.336.381
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(23.515.589.595)	(14.936.058.956)
140	IV. Hàng tồn kho	6	45.799.689.962	45.338.227.641
141	1. Hàng tồn kho		45.799.689.962	45.338.227.641
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		39.232.866.712	13.562.401.210
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		121.733.699	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		28.905.462.879	7.135.975.417
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	359.564.642	543.303.760
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	9.846.105.492	5.883.122.033
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		358.852.245.553	140.129.000.737
220	II. Tài sản cố định		157.193.128.765	102.599.938.282
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	14.186.040.287	13.980.806.782
222	- Nguyên giá		27.473.199.218	25.209.109.849
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.287.158.931)	(11.228.303.067)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	139.855.288.478	85.467.331.500
240	III. Bất động sản đầu tư	12	7.132.955.205	7.942.919.355
241	- Nguyên giá		22.626.972.711	22.509.369.075
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.494.017.506)	(14.566.449.720)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	193.981.967.479	29.568.173.400
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		30.668.895.429	29.668.895.429
258	3. Đầu tư dài hạn khác		164.077.449.141	1.250.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(764.377.091)	(1.350.722.029)
260	V. Tài sản dài hạn khác		544.194.104	17.969.700
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		32.441.534	17.969.700
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.2	511.752.570	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.034.157.999.890	878.533.999.028

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		715.468.865.089	561.685.667.544
310	I. Nợ ngắn hạn		653.858.424.171	527.101.107.822
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	475.375.511.812	421.986.216.442
312	2. Phải trả người bán		87.172.140.568	66.011.070.866
313	3. Người mua trả tiền trước		75.204.734.392	23.818.697.335
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	886.947.995	801.159.523
315	5. Phải trả người lao động		2.631.392.941	1.996.176.076
316	6. Chi phí phải trả	16	459.118.623	461.794.623
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	9.168.187.068	7.193.780.149
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.960.390.772	4.832.212.808
330	II. Nợ dài hạn		61.610.440.918	34.584.559.722
333	3. Phải trả dài hạn khác		3.736.440.918	3.736.440.918
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	57.800.000.000	30.422.145.300
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	351.973.504
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		74.000.000	74.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		318.689.134.801	316.848.331.484
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	318.689.134.801	316.848.331.484
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		125.948.570.000	125.948.570.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.055.546.923
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		6.708.503.470	6.708.503.470
414	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(13.297.350.769)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	2.427.743.687
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		133.260.491.891	133.260.491.891
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		24.735.247.692	23.049.062.312
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.889.715.594	21.695.763.970
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.034.157.999.890	878.533.999.028

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		2.915.492,98	863.232,12
- Đồng Euro (EUR)		26.812,72	5.839,27
- Đồng Yên nhật (JPY)		654.870,00	1.274.322,00

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc*Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013*

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	2.081.574.647.860	1.886.892.021.879
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.081.574.647.860	1.886.892.021.879
11	4. Giá vốn hàng bán	21	2.013.430.082.627	1.790.737.684.836
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.144.565.233	96.154.337.043
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	53.463.091.602	62.267.493.537
22	7. Chi phí tài chính	23	56.783.957.605	96.279.152.189
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		44.540.716.367	51.448.223.079
24	8. Chi phí bán hàng	24	30.733.439.316	17.378.383.241
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22.983.257.472	15.202.940.710
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		11.107.002.442	29.561.354.440
31	11. Thu nhập khác		296.832.521	345.437.679
32	12. Chi phí khác		325.502.265	218.282.441
40	13. Lợi nhuận khác		(28.669.744)	127.155.238
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.078.332.698	29.688.509.678
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.1	511.752.570	8.225.890.788
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26.2	(511.752.570)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		11.078.332.698	21.462.618.890
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	834	1.752

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.089.418.784.164	2.164.234.494.196
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(2.026.246.500.253)	(2.095.048.931.569)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(22.842.773.625)	(19.011.668.258)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(44.543.392.367)	(51.606.212.742)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(347.389.732)	(15.883.823.534)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		72.370.000.028	10.819.805.770
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(69.665.329.236)	(97.115.009.508)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.856.601.021)	(103.611.345.645)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(52.138.728.618)	(4.412.684.796)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		33.818.182	62.864.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(98.249.838.000)	(13.947.697.183)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		101.299.600.434	5.778.383.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(3.500.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.250.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		39.576.955.077	18.824.018.863
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(9.228.192.925)	2.804.883.884
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	29	13.388.410.000	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(11.124.490.769)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.899.012.187.787	1.911.090.820.815
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.817.919.984.129)	(1.827.314.489.913)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.262.789.615)	(19.444.596.080)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		79.217.824.043	53.207.244.053
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		68.133.030.097	(47.599.217.708)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		34.293.091.304	83.297.268.756
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		142.287.371	(1.404.959.744)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>102.568.408.772</u>	<u>34.293.091.304</u>

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2012**1 . THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/05/2012.

Trụ sở chính của Công ty: Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 125.948.570.000 VND. Tương đương 12.594.857 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Số 57 Điện Biên Phủ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng	Số 191 Hoàng Diệu - Quận Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 26B Lê Quốc Hưng - Phường 12 - Quận 4 - Thành phố Hồ Chí Minh
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Số 210 Đường Chùa Vẽ - Phường Đông Hải - Quận Hải An - Thành phố Hải Phòng
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp chế biến nông lâm sản hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	Cụm công nghiệp Liên Phương - Huyện Thường Tín - Hà Nội
- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	Áp Bảo Định - Xã Xuân Định - Huyện Xuân Lộc - Tỉnh Đồng Nai

Công ty có các công ty liên kết sau:

Tên công ty	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Khu kinh tế Dung Quất, Xã Bình Chánh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Số 53 Quang Trung, Hà Nội

Thông tin về các công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản, khoáng sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tạp phẩm, hàng công nghiệp, gia công chế biến trong nước và nhập khẩu, các sản phẩm dệt may (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, vật liệu xây dựng, hóa chất Nhà nước không cấm, phương tiện vận tải;
- Bán buôn thực phẩm (Bán buôn dầu, mỡ động thực vật);
- Kinh doanh thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy hải sản, hóa chất và giống phục vụ nuôi trồng thủy hải sản, cây giống phục vụ nông nghiệp, phân bón, trang thiết bị y tế, dụng cụ trong ngành y dược (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, tạp phẩm, hóa chất tẩy rửa (trừ hóa chất Nhà nước cấm), mỹ phẩm (trừ loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người), đồ gia dụng, điện máy, điện tử, điện lạnh, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Sản xuất, gia công, chế biến, lắp ráp: các mặt hàng dệt, may, đồ chơi (trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), đồ gỗ, xe máy, điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, nông, lâm, thủy hải sản;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, bãi, nhà xưởng, phương tiện vận tải, nâng xếp, bốc dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ: chuyên khâu, quá cảnh, khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa, vận chuyển khách, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bánh, kẹo, phụ tùng và thiết bị viễn thông (máy tổng đài và điện thoại các loại), camera;
- Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh các mặt hàng đường, sữa;
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
--------------------------	-------------

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư
Các khoản nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Đối với số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ năm 2011 trở về trước chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư còn lại được phân bổ tiếp vào chi phí tài chính của các năm tiếp theo, thời gian phân bổ theo số năm còn lại tương ứng nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đó.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	663.662.938	673.571.751
Tiền gửi ngân hàng	100.764.426.425	32.552.275.716
Các khoản tương đương tiền	1.140.319.409	1.067.243.837
	102.568.408.772	34.293.091.304

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	14.575.551.664	186.946.206.924
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.707.914.921)	(15.871.214.783)
	8.867.636.743	171.074.992.141

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	Mã Cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Giá trị sổ sách
Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	BTS	21	348.600
Cổ phiếu Công ty Tài chính Dầu khí	PVF	2	27.921
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	VCR	241.000	3.077.040.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	WSS	1.725.000	11.095.610.143
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	REE	15.527	402.525.000
		1.981.550	14.575.551.664
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn			(5.707.914.921)
Giá trị thị trường của các khoản đầu tư			8.867.260.222

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về người lao động	969.752.357	283.569.617
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	16.742.000.000	16.743.200.000
Phải thu khác	4.961.540	200.566.764
	17.716.713.897	17.227.336.381

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	22.392.527.591	26.431.029.278
Nguyên liệu, vật liệu	238.809.605	14.183.896
Công cụ, dụng cụ	63.592.728	660.000
Hàng hoá	23.104.760.038	18.892.354.467
	45.799.689.962	45.338.227.641

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	19.376.280
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	359.564.642	523.927.480
	<u>359.564.642</u>	<u>543.303.760</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Tạm ứng	1.665.372.595	1.765.900.860
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	8.180.732.897	4.117.221.173
	<u>9.846.105.492</u>	<u>5.883.122.033</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	13.957.964.280	4.424.939.009	6.080.575.088	745.631.472	25.209.109.849
Số tăng trong năm	1.959.293.181	508.763.636	-	-	2.468.056.817
- Mua sắm mới	-	508.763.636	-	-	508.763.636
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.959.293.181	-	-	-	1.959.293.181
Số giảm trong năm	-	(203.967.448)	-	-	(203.967.448)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(203.967.448)	-	-	(203.967.448)
Số dư cuối năm	15.917.257.461	4.729.735.197	6.080.575.088	745.631.472	27.473.199.218
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	5.522.101.118	1.638.408.171	3.408.421.494	659.372.284	11.228.303.067
Số tăng trong năm	1.170.669.172	680.680.056	347.651.876	50.238.136	2.249.239.240
- Trích khấu hao	1.170.669.172	680.680.056	347.651.876	50.238.136	2.249.239.240
Số giảm trong năm	-	(190.383.376)	-	-	(190.383.376)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(190.383.376)	-	-	(190.383.376)
Số dư cuối năm	6.692.770.290	2.128.704.851	3.756.073.370	709.610.420	13.287.158.931
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	8.435.863.162	2.786.530.838	2.672.153.594	86.259.188	13.980.806.782
Số dư cuối năm	9.224.487.171	2.601.030.346	2.324.501.718	36.021.052	14.186.040.287

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 2.354.020.546 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.297.235.532 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.151.800.000
Số tăng trong năm	-
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	3.151.800.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	3.151.800.000
Số dư cuối năm	3.151.800.000

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	85.467.331.500	101.061.687.959
Số tăng trong năm	56.263.898.804	63.422.723.759
Số đã kết chuyển tăng tài sản cố định trong năm	(1.875.941.826)	(124.518.182)
Giảm khác	-	(78.892.562.036)
Số dư cuối năm	139.855.288.478	85.467.331.500

Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	139.855.288.478	85.467.331.500
- Công trình Kho Liên Phương	1.050.000	944.770.918
- Công trình Kho Đoạn Xá	134.977.971	134.977.971
- Công trình khu Tương Mai	136.755.881.911	81.424.204.015
- Công trình Khu Lũy Bán Bích	2.963.378.596	2.963.378.596
	139.855.288.478	85.467.331.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	22.509.369.075
Số tăng trong năm	117.603.636
- Tăng khác	117.603.636
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	22.626.972.711
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	14.566.449.720
Số tăng trong năm	927.567.786
- Trích khấu hao	927.567.786
Số giảm trong năm	-
Số dư cuối năm	15.494.017.506
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Đầu năm	7.942.919.355
Cuối năm	7.132.955.205

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	30.668.895.429	29.668.895.429
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	1.200.000.000	1.200.000.000
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	8.500.000.000	7.500.000.000
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	20.968.895.429
Đầu tư dài hạn khác	164.077.449.141	1.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(764.377.091)	(1.350.722.029)
	193.981.967.479	29.568.173.400

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2012 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Quảng Ngãi	20,00%	20,00%	Xây dựng; Mua bán, khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.
Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Hà Nội	30,00%	30,00%	Bất động sản
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	164.077.449.141	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hợp Lực Việt Nam	-	1.250.000.000
	164.077.449.141	1.250.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	472.375.511.812	415.986.216.442
- Vay ngân hàng	472.375.511.812	415.986.216.442
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.000.000.000	6.000.000.000
(Xem thuyết minh 18)		
	475.375.511.812	421.986.216.442

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2012	31/12/2012
	USD	Quy đổi VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽¹⁾	3.598.488,72	74.848.565.376
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽¹⁾	-	2.146.394.195
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ ⁽²⁾	1.439.994,73	29.966.290.331
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ ⁽²⁾	-	2.422.858.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽³⁾	1.134.788,96	23.620.632.826
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽³⁾	-	18.237.437.879
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam - CN Hoàng Mai ⁽⁴⁾	5.768.068,66	120.062.335.420
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽⁵⁾	1.100.628,83	22.909.589.096
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽⁶⁾	6.747.588,26	140.754.691.104
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Ba Đình ⁽⁷⁾	1.797.535,66	37.406.717.085
	21.587.093,82	472.375.511.812

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	3.000.000.000	6.000.000.000
	3.000.000.000	6.000.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01.134855/2012/HĐTDHM ngày 05/07/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
- + Lãi suất cho vay: Được xác định tại từng lần nhận nợ theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ. Kỳ hạn trả nợ lãi được xác định tại từng lần nhận nợ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản:
 - Thế chấp quyền sử dụng khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại 130 Nguyễn Đức Cảnh hoặc Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 07 Triệu Việt Vương, Hà Nội;
 - Quyền thụ hưởng từ Hợp đồng cho thuê nhà tại số 07 Triệu Việt Vương;
 - Tài sản gắn liền với đất tại Phường Đông Hải - Quận Hải An - Hải Phòng;
 - Thế chấp tài sản hợp pháp của Bên thứ 3 tại Ngân hàng (nếu có);
 - Toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

- (2) Thông báo số 1150/TB-MB-ĐBP về cấp hạn mức tín dụng năm 2012 ngày 22/05/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, chiết khấu bộ chứng từ, phát hành L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn đến 31/05/2013;
 - + Lãi suất cho vay: Theo quy định của ngân hàng tại từng lần nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Phụ thuộc vào mục đích sử dụng tiền vay, cụ thể
 - Đối với phương án ứng trước thu mua hàng phục vụ xuất khẩu được áp dụng theo hình thức tín chấp.
 - Đối với phương án nhập khẩu được áp dụng theo hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ phát sinh từ phương án.
- (3) Hợp đồng tín dụng số KHTHI120152/HM ngày 07/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*). Trong đó hạn mức cho vay là 130.000.000.000 đồng, hạn mức tín dụng phục vụ tài trợ thương mại là 20.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Phụ thuộc vào mục đích của khoản tín dụng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời gian cấp tín dụng. Trường hợp khoản vay được cơ cấu lại thì lãi suất trên giấy nhận nợ được điều chỉnh phù hợp với mức lãi suất do Ngân hàng công bố tài thời điểm cơ cấu lại khoản vay;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 1240LAV200500026/HĐTĐ ngày 10/05/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Theo quy định của Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam và Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT Hoàng Mai tại từng thời điểm và được áp dụng theo phương pháp thả nổi;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01-2012/HĐTĐHM/CNHN-15-128 ngày 31/05/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng, kể từ ngày 17/05/2012 đến ngày 17/05/2013;
 - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng tại từng thời điểm nhận nợ và bằng tổng của lãi suất cơ sở và biên độ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (6) Hợp đồng tín dụng số SHB5L1505/2012/HĐHM - PN/SHB-HN/HM.XNKTHIVN ngày 15/05/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 300.000.000.000 đồng (*Ba trăm tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh, thanh toán quốc tế, bảo lãnh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định trên khế ước nhận nợ theo từng lần vay;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

(7) Hợp đồng tín dụng số 0210/2012/HĐ/HĐTDHM ngày 18/10/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, lương thực thực phẩm, hàng công nghệ phẩm;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày 04/10/2012;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được tính bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB + Biên độ sinh lời, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Pháp luật;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	453.119.492	208.813.242
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	32.624.509	-
Thuế Thu nhập cá nhân	222.703.994	379.404.481
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	178.500.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	212.941.800
	<u>886.947.995</u>	<u>801.159.523</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trích trước lãi trái phiếu phải trả	459.118.623	461.794.623
	<u>459.118.623</u>	<u>461.794.623</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	279.627.341	113.042.067
Bảo hiểm xã hội	34.903.478	50.027.955
Bảo hiểm y tế	2.776.306	8.202.402
Bảo hiểm thất nghiệp	2.018.867	6.438.793
Phải trả cổ tức cho cổ đông khác	5.837.549.464	1.930.189.617
Phải trả cổ tức cho cổ đông vốn Nhà nước	2.305.358.500	3.416.083.962
Phải trả tiền vay Cán bộ phòng Kinh doanh Hồ Chí Minh	-	1.357.447.579
Phải trả, phải nộp khác	705.953.112	312.347.774
	<u>9.168.187.068</u>	<u>7.193.780.149</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	57.800.000.000	30.422.145.300
- Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch ⁽¹⁾	57.800.000.000	30.422.145.300
	<u>57.800.000.000</u>	<u>30.422.145.300</u>

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTĐH ngày 20/07/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (*Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 19/07/2017;
- + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 57.800.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 3.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM 2011									
Số dư đầu năm	125.948.570.000	17.055.546.923	3.892.413.877	(2.172.860.000)	11.010.357.503	117.509.228.147	17.416.883.125	47.662.344.953	338.322.484.528
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	21.462.618.890	21.462.618.890
Trích lập các quỹ	-	-	2.816.089.593	-	-	15.751.263.744	5.632.179.187	(24.199.532.524)	-
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(18.723.924.000)	(18.723.924.000)
Trích quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	-	-	(4.505.743.349)	(4.505.743.349)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(11.124.490.769)	-	-	-	-	(11.124.490.769)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(11.010.357.503)	-	-	-	(11.010.357.503)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	-	-	2.427.743.687	-	-	-	2.427.743.687
Số dư cuối năm	125.948.570.000	17.055.546.923	6.708.503.470	(13.297.350.769)	2.427.743.687	133.260.491.891	23.049.062.312	21.695.763.970	316.848.331.484
NĂM 2012									
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	11.078.332.698	11.078.332.698
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.686.185.380	(1.686.185.380)	-
Trích lập quỹ KT, PL	-	-	-	-	-	-	-	(1.717.009.510)	(1.717.009.510)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(18.059.424.000)	(18.059.424.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(2.427.743.687)	-	-	-	(2.427.743.687)
Tặng khác ⁽¹⁾	-	92.041.131	-	-	-	-	-	-	92.041.131
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	-	13.296.368.869	-	-	-	-	13.296.368.869
Giảm khác ⁽²⁾	-	-	-	-	-	-	-	(421.762.184)	(421.762.184)
Số dư cuối năm	125.948.570.000	17.147.588.054	6.708.503.470	(981.900)	-	133.260.491.891	24.735.247.692	10.889.715.594	318.689.134.801

(1): Lãi do tái phát hành cổ phiếu quỹ

(2): Khoản lợi nhuận năm 2012 của Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng phải trả cho Công ty TNHH Kowa theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp I Việt Nam với Công ty TNHH Kowa ngày 01/07/2011

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Nhà nước	46.107.170.000	36,61%	46.107.170.000	36,61%
Vốn góp của đối tượng khác	79.841.400.000	63,39%	79.841.400.000	63,39%
	125.948.570.000	100%	125.948.570.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.948.570.000	125.948.570.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>125.948.570.000</i>	<i>125.948.570.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>125.948.570.000</i>	<i>125.948.570.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18.059.424.000	18.723.924.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.059.424.000</i>	<i>18.723.924.000</i>

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.594.857	12.594.857
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.594.857	12.594.857
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.594.857</i>	<i>12.594.857</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41	555.241
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>555.241</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.594.816	12.039.616
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.594.816</i>	<i>12.039.616</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	133.260.491.891	133.260.491.891
Quỹ dự phòng tài chính	24.735.247.692	23.049.062.312
	<u>157.995.739.583</u>	<u>156.309.554.203</u>

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	-	112.956.594.132
Doanh thu bán hàng hóa	2.040.364.634.670	1.756.385.592.217
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41.210.013.190	17.549.835.530
	<u>2.081.574.647.860</u>	<u>1.886.892.021.879</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	78.832.944.036
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.004.725.715.326	1.694.368.208.659
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	8.704.367.301	17.559.451.489
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(22.919.348)
	<u>2.013.430.082.627</u>	<u>1.790.737.684.836</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	6.668.365.217	27.224.003.703
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.941.770.434	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.907.389.860	18.471.218.863
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	11.607.384.963	16.572.270.971
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	338.181.128	-
	53.463.091.602	62.267.493.537

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	44.540.716.367	51.448.223.079
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	11.342.968.553	3.419.693.399
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.478.586.213	29.560.447.052
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư	(10.749.644.800)	11.816.532.159
Chi phí tài chính khác	1.171.331.272	34.256.500
	56.783.957.605	96.279.152.189

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	273.000	300.000
Chi phí nhân công	8.993.806.815	6.455.603.176
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.604.637.874	1.106.258.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.258.488.955	7.974.195.991
Chi phí khác bằng tiền	1.876.232.672	1.842.025.757
	30.733.439.316	17.378.383.241

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	159.498.326	6.191.900
Chi phí nhân công	7.456.713.361	6.295.682.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	329.864.684	322.432.642
Thuế, phí, lệ phí	399.393.761	147.725.713
Chi phí dự phòng	8.714.494.666	2.025.145.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.713.209.862	5.934.233.579
Chi phí khác bằng tiền	1.210.082.812	471.528.095
	22.983.257.472	15.202.940.710

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****26.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.078.332.698	29.688.509.678
Các khoản điều chỉnh tăng	318.179.385	184.928.097
- Chi phí không hợp lệ	318.179.385	184.928.097
Các khoản điều chỉnh giảm	(32.987.769.265)	(18.471.218.863)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(32.907.389.860)	(18.471.218.863)
- Lãi CLTG đánh giá lại cuối kỳ khoản mục TGNH	(80.379.405)	-
Tổng thu nhập tính thuế	(54.260.847.062)	11.402.218.912
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản; chuyển nhượng dự án (không gắn liền với chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền thuê đất); chuyển nhượng quyền thực hiện dự án, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản	-	32.903.563.152
- Thu nhập tính thuế còn lại	(54.260.847.062)	(21.501.344.240)
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành ^(*)	511.752.570	8.225.890.788
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	511.752.570	8.225.890.788
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(523.927.480)	7.134.005.266
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(347.389.732)	(15.883.823.534)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(359.564.642)	(523.927.480)

(*) Số thuế TNDN phải nộp trong năm là số thuế TNDN tạm nộp 1% trên tổng số tiền người mua nộp tiền trước khi mua nhà tại chung cư 130 Nguyễn Đức Cảnh theo quy định tại Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012.

26.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	511.752.570	-
	511.752.570	-

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	11.078.332.698	21.462.618.890
Các khoản điều chỉnh	(759.943.312)	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	(338.181.128)	-
- Lợi nhuận trả cho Công ty TNHH Kowa	(421.762.184)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.318.389.386	21.462.618.890
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.367.714	12.250.818
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	834	1.752

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.718.806.711	1.221.446.622
Chi phí nhân công	26.710.989.219	12.977.197.109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.198.878.697	1.775.356.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.727.309.554	16.013.714.970
Chi phí khác bằng tiền	4.202.381.548	2.670.057.080
	61.558.365.729	34.657.772.682

29 . TIỀN THU TỪ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU, NHẬN VỐN GÓP TỪ CHỦ SỞ HỮU

	Số lượng cổ phiếu	Đơn giá cổ phiếu BQ	Số tiền
Cổ phiếu quỹ			
- Giá trị đầu kỳ	555.241	23.949	13.297.350.769
- Mua lại trong kỳ	-	-	-
- Phát hành trong kỳ	555.200	24.115	13.388.410.000
- Chênh lệch do phát hành cổ phiếu quỹ			91.059.231
- Giá trị cuối kỳ	41	23.949	981.900

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	102.568.408.772	-	34.293.091.304	-
Phải thu khách hàng	228.219.446.778	(23.515.589.595)	146.678.400.828	(14.936.058.956)
Phải thu khác	17.716.713.897	-	17.227.336.381	-
Đầu tư ngắn hạn	14.575.551.664	(5.707.914.921)	186.946.206.924	(15.871.214.783)
Đầu tư dài hạn	164.077.449.141	(764.377.091)	1.250.000.000	(1.350.722.029)
	527.157.570.252	(29.987.881.607)	386.395.035.437	(32.157.995.768)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	533.175.511.812	452.408.361.742
Phải trả người bán	87.172.140.568	66.011.070.866
Chi phí phải trả	459.118.623	461.794.623
Phải trả khác	12.904.627.986	10.930.221.067
	633.711.398.989	529.811.448.298

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại 31/12/2012				
Vay và nợ	475.375.511.812	57.800.000.000	-	533.175.511.812
Phải trả người bán	87.172.140.568	-	-	87.172.140.568
Chi phí phải trả	459.118.623	-	-	459.118.623
Phải trả khác	9.168.187.068	3.736.440.918	-	12.904.627.986
	572.174.958.071	61.536.440.918	-	633.711.398.989
Tại 01/01/2012				
Vay và nợ	421.986.216.442	30.422.145.300	-	452.408.361.742
Phải trả người bán	66.011.070.866	-	-	66.011.070.866
Chi phí phải trả	461.794.623	-	-	461.794.623
Phải trả khác	7.193.780.149	3.736.440.918	-	10.930.221.067
	495.652.862.080	34.158.586.218	-	529.811.448.298

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty.

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Đường Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2012</u> VND	<u>Năm 2011</u> VND
Góp vốn vào công ty			
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	1.000.000.000	3.500.000.000
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ			
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	-	108.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia			
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	8.486.000.000	16.620.000.000
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	Đầu tư khác	24.101.089.860	1.827.649.200
Lãi cho vay vốn, lãi chậm thanh toán			
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	458.574.030	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2012</u> VND	<u>01/01/2012</u> VND
Phải thu tiền ứng trước			
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	6.734.945.039	-
- Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	1.268.667.900	381.761.000
Phải thu cổ tức			
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	16.742.000.000	16.743.200.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u> VND	<u>Năm 2011</u> VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	1.556.887.523	1.832.580.074

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lê Xuân Chất
Kế toán trưởng

Hoàng Tuấn Khải
Tổng Giám đốc*Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2013*